

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 04 - 01 - 2024
V/v “Chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Hồng Vỹ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 24/2023/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H Ân, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn A Ch, xã A Ph, huyện H Ân, tỉnh Bình Định, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Xuân M, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn A Ch, xã A Ph, huyện H Ân, tỉnh Bình Định, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

- Bà Huỳnh Thị Xuân Th, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn Gia Đức, xã Ân Đức, huyện H Ân, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thuý L, sinh năm 1982; nơi cư trú: 181 Hùng Vương, KP. Gò Cau, TT. Tăng Bạt Hổ, huyện H Ân, tỉnh Bình Định, có mặt.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Huỳnh H, sinh năm 1938; bà Đặng Thị M, sinh năm 1941; nơi cư trú: thôn A Ch, xã A Ph, huyện H Ân, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Dư, sinh năm 1976; nơi cư trú: KP. Lại Khánh, P. Hoài Đức, TX. Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã A Ph;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn Đ - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Phúc Tr - Công chức Địa chính xã A Ph (Giấy uỷ quyền ngày 10-4-2023). Địa chỉ trụ sở: Thôn Linh Chiểu, xã A Ph, huyện H Ân, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện H Ân;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Khúc - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Văn Việt - P.Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện H Ân (Giấy uỷ quyền số: 263/GUQ-UBND ngày 10-4-2023). Địa chỉ trụ sở: 04 Lê Duẩn, TT. T.B.Hồ, huyện H Ân, tỉnh Bình Định, có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Xuân M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Vào năm 2019, ông Huỳnh Xuân M ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng, giải quyết nuôi con, chưa chia tài sản chung. Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Bà Ng trình bày: Khi về làm vợ ông M năm 1994, vợ chồng ở chung với gia đình nhà chồng (Huỳnh H, Đặng Thị M). Sau khi cưới về sống chung được 03 tháng thì ông M có bảo đưa cho cha mẹ chồng giữ 01 chỉ vàng 24k (vàng cưới). Cha mẹ ruột bà Ng có cho 26 chỉ vàng 24k làm vốn, năm 1995 vợ chồng ra ở riêng, đem số vàng đó mua ngôi nhà thanh lý (Trường tiểu học thôn A Ch, xã A Ph) với số tiền 3.500.000 đồng, vợ chồng ở đó, ông M làm nghề mộc, bà Ng làm nội trợ. Năm 2005 vợ chồng mua một thửa đất của bà Lê Thị Thơ tại thôn A Ch, xã A Ph với giá 15.000.000 đồng, có đất ở, còn ngôi nhà bị hư hỏng. Năm 2008 vợ chồng xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên đất mua của bà Thơ và nhờ cha mẹ chồng (Huỳnh H, Đặng Thị M) đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Lý do nhờ cha mẹ chồng đứng tên là để UBND xã A Ph xét mua nhà, cấp đất tại Trường tiểu học A Ph, vì thời điểm đó Nhà nước không cho một người có nhiều đất thổ cư.

Tài sản trong nhà của vợ chồng gồm: 01 ti vi hiệu Sam Sung 49 in; 01 tủ lạnh hiệu LG lớn; 01 bộ bàn ghế sa lông hộp bằng gỗ (01 bàn, 04 ghế), 01 bộ bàn tròn bằng gỗ, 01 tủ đựng đồ bằng gỗ, 01 tủ kiểu để ti vi bằng gỗ, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 xe Honda đời 86, 01 xe tay ga hiệu Air Blade, 03 giường nằm bằng gỗ. Tại trại làm mộc có gỗ và đồ làm mộc như: 01 máy cưa vòng, 01 máy liên hợp, 01 máy móc mương đều là tiền của vợ chồng làm ra mua sắm.

Nợ em gái tên Nguyễn Thị D ở L Kh T, H Đ, H N, số vàng 05 chỉ vàng 24k, lúc làm nhà năm 2008. Nợ Nguyễn Thị Thuý L (đại lý Hải Đảo) ở 181 Hùng Vương, TT. T B H, H A số tiền mua thức ăn chăn nuôi 17.000.000 đồng, đã trả một ít, còn lại 7.377.000 đồng chưa trả do heo bệnh chết nên không có nguồn trả nợ. Nợ Huỳnh Thị Th ở G Đ, A Đ, H A số tiền mua vật liệu làm xưởng mộc 5.000.000 đồng.

Bà Ng đồng ý với kết quả Hội đồng định giá đã kê, định giá ngày 09-01-2023 đã công khai chứng cứ. Bà Ng yêu cầu chia tài sản chung gồm: Toàn bộ tài sản, quyền sử dụng đất do Toà án đã định giá. Bà Ng yêu cầu nhận 01 xe tay ga hiệu Air Blade tên Nguyễn Thị Ng. Nhận thừa đất số 347 diện tích 260m², nhà xưởng, 01 máy cưa vòng, 01 máy liên hợp, 01 máy móc mương. Giao cho ông M nhận toàn bộ ngôi nhà và công trình xây dựng trên thửa đất mua của bà Lê Thị Th, thửa đất số 374, tờ bản đồ số 9, tài sản trong nhà, xe Honda 86 tên Huỳnh Xuân M. Quyền sử dụng đất thửa số 374, tờ bản đồ số 9, diện tích (đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm khác 20m²). Ông M phải thối lại tiền chia tài sản cho bà Ng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) theo giá Toà án định giá.

Về nợ chung: Bà Ng tự nguyện nhận trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thuý L 7.377.000 đồng, trả nợ chị Huỳnh Thị Xuân Th 2.500.000 đồng. Đề nghị Toà án giao cho ông M trả nợ riêng cho chị Th 15.000.000 đồng, trả nợ chung cho chị Th 2.500.000 đồng.

Ngoài ra, lúc khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Ng yêu cầu nhiều nội dung, nhưng tại phiên Toà bà Ng tự nguyện không yêu cầu nữa.

- Bị đơn Huỳnh Xuân M trình bày: Vào năm 2019, ông Huỳnh Xuân M ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng, giải quyết nuôi con, chưa chia tài sản chung.

+ Năm 1995 vợ chồng ra ở riêng, có mua ngôi nhà (thanh lý) là trường tiểu học thôn A Ch, xã A Ph với số tiền 3.500.000 đồng, vợ chồng ở đó, ông M làm nghề mộc, bà Ng làm nội trợ.

+ Năm 2008 ông M và bà Ng có xây dựng một ngôi nhà trên thửa đất tên Huỳnh H, Đặng Thị M tại: thôn A Ch, xã A Ph. Nguồn gốc thửa đất là cha mẹ ông M nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Thơ.

Tài sản trong nhà gồm: 01 ti vi hiệu Sam Sung 49 in; 01 tủ lạnh hiệu LG lớn; 01 bộ bàn ghế sa lông hộp bằng gỗ (01 bàn, 04 ghế), 01 bộ bàn tròn bằng gỗ, 01 tủ đựng đồ bằng gỗ, 01 tủ kiểu để ti vi bằng gỗ, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 xe Honda đời 86, 01 xe tay ga hiệu Air Blade, 03 giường nằm bằng gỗ. Tại trại làm mộc có tài sản như: Ngôi nhà xưởng làm mộc, 01 máy cưa vòng, 01 máy liên hợp, 01 máy móc mương là đúng. Tại Toà án, ông M đồng ý như kết quả Hội đồng định giá đã kê, định giá ngày 09-01-2023 đã công khai chứng cứ.

Về các khoản nợ: Nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi đại lý Hải Đảo 7.377.000 đồng. Nợ Huỳnh Thị Thanh số tiền mua vật liệu làm xưởng 5.000.000 đồng, tiền mượn mua máy và dụng cụ làm mộc 15.000.000 đồng bằng 20.000.000 đồng là nợ

chung. Ngoài ra số tiền bà Ng khai mượn của Nguyễn Thị Dư còn nợ là không đúng, ông M không biết, không chấp nhận.

Tại phiên toà, ông M không đồng ý với khởi kiện của bà Ng về chia tài sản. Ông M yêu cầu chia đôi các khoản nợ chung: Đại lý Hải Đảo 7.377.000 đồng, Huỳnh Thị Xuân Th 20.000.000 đồng.

Riêng thửa đất số 374, tờ bản đồ số 09, diện tích (300m² đất ở, 20m² đất LNK) tên Huỳnh H, Đặng Thị M là của cha mẹ ông M mua của bà Thơ, vợ chồng ông Hộ cho ông M, bà Ng xây dựng nhà ở nhờ. Ông M xác định quyền sử dụng đất là của cha mẹ ông M, ông M không đồng ý việc bà Ng đưa vào chia tài sản chung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

+ Bà Nguyễn Thị Thuý L trình bày: Ông M, bà Ng có mua của Đại lý Hải Đảo thức ăn chăn nuôi còn nợ số tiền 7.377.000 đồng, bà Loan yêu cầu giải quyết ông M, bà Ng ly hôn, chia tài sản nên phải trả khoản nợ cho bà Loan theo quy định.

+ Bà Huỳnh Thị Xuân Th trình bày: Thời gian ông M, bà Ng là vợ chồng có mua của bà Thanh vật liệu nợ số tiền 5.000.000 đồng. Ông M mượn số tiền 15.000.000 đồng mua đồ làm mộc, nay hai người ly hôn, chia tài sản nên phải trả cho bà Thanh 20.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh H, bà Đặng Thị M trình bày: Thửa đất số 374, tờ bản đồ số 09, diện tích (đất ở 300m², đất vườn 20m²) là ông Hộ mua của bà Nguyễn Thị Thơ ở A Ch, An Phong, sau đó xây dựng nhà ở và cho vợ chồng Nguyễn Thị Ng, Huỳnh Xuân M ở, nay hai người ly hôn thì ông Hộ yêu cầu trả lại nhà và đất cho ông Hộ. Ông Huỳnh H và bà Đặng Thị M không chấp nhận chị Ng chia tài sản với anh Mai. Chứng cứ ông Hộ chứng minh là giấy chứng nhận QSDĐ tên Huỳnh H, Đặng Thị M được cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 04-01-2007.

+ Bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà là em ruột bà Ng, bà D không nhớ năm nào, bà D có cho chị ruột (Ng) mượn số vàng 25 chỉ vàng 24k về mua máy cưa gỗ, mượn 02 chỉ vàng 24k về làm nhà tổng cộng là 27 chỉ vàng 24k. Bà Ng đã đem về trả được 22 chỉ vàng 24k, hiện còn nợ là 05 chỉ vàng 24k. Từ đó đến nay bà D không gặp ông M, không trao đổi gì với ông M, nhưng bà D nghĩ ông M biết. Nay hai người ly hôn, chia tài sản nên bà D yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông M, bà Ng trả số tiền nợ 05 chỉ vàng 24k.

+ Đại diện UBND xã A Ph trình bày: Nguyên thửa đất số 347, tờ bản đồ số 09, diện tích 881m² theo sổ mục kê lập năm 1997 có (300m² đất ở, 581m² đất vườn), chủ sử dụng (để trống). Về nguồn gốc đất: Ngày 07 tháng 9 năm 1995 HTXNN A Ph 2 có tờ trình đề nghị thanh lý Trường Tiểu học A Ch để thu hồi vốn do trường không sử dụng. UBND xã A Ph đề nghị UBND huyện H Â cho phép thanh lý trường và xác nhận của UBND xã A Ph ngày 13 tháng 9 năm 1995. Ngày 14 tháng 9 năm 1995 phòng Kinh Tế huyện H Â xác nhận và chuyển UBND huyện H Â cho ý kiến giải quyết. Ngày 14 tháng 9 năm 1995 UBND huyện H Â đồng ý

cho phép HTX NN A Ph 2 thanh lý trường để thu hồi vốn. Đất nếu không sử dụng xây dựng công trình công cộng thì bố trí cho dân ở, nhưng phải đúng đối tượng và đủ các điều kiện cấp đất thổ cư, người ở phải làm đầy đủ thủ tục cấp đất mới được sử dụng. Ngày 10 tháng 11 năm 1995 UBND xã A Ph thông báo về việc xét đất thổ cư và đơn xin mua trường gò mã (Núi Bụt) A Ch gồm có 06 người mua, nhưng có 03 người đủ điều kiện mua: Ông Huỳnh Xuân M, ông Nguyễn Văn Chúc, ông Nguyễn Xuân Ánh đều ở A Ch, A Ph. Đến năm 1999, ông Nguyễn Xuân Ánh chuyển nhượng cho ông Huỳnh Xuân Mỹ. Năm 2001 ông Nguyễn Văn Chúc chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu Anh. Những người có tên trên sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Hiện tại cả 03 trường hợp trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã A Ph cung cấp thông tin trên, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện UBND huyện H A trình bày: Qua nghiên cứu tài liệu của UBND xã A Ph cung cấp cho Tòa án và quan điểm của đại diện UBND xã A Ph. Đại diện của UBND huyện H A thống nhất với trình bày và quan điểm của UBND xã A Ph, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng:

+ Chị Huỳnh Thảo Ng trình bày: Khi sinh ra chị Ng sống với cha M, mẹ Ng tại nhà xưởng (Trường Tiểu học), nghe mẹ nói là mua thanh lý của Hợp tác xã. Đến năm chị Nguyên học lớp 7 thì gia đình dọn vào ngôi nhà xây ở, chị Ng nghe cha mẹ nói ngôi nhà xây là tiền của cha M, mẹ Ng dành dụm mua của một người nào đó đã đi khỏi địa phương rồi. Lúc đó mua đất, không có nhà, cha mẹ chị Ng tự xây dựng nhà bằng tiền chung của cha mẹ. Chị Ng có nghe nói là cha mẹ không đứng tên được nên nhờ ông bà nội (Huỳnh H, Đặng Thị M) đứng tên giúp. Ông H, bà M hiện còn sống, mình vẫn ở ngôi nhà riêng tại A Ch, An Phong, hai ông bà tự chăm sóc nhau. Khi về ở nhà riêng chị Ng được 07 tuổi, chị Nguyên sinh năm 1994 (khi ông M, bà Ng xây dựng nhà xong là năm 2006).

+ Ông Hồ Việt H trình bày: Ông H sang nhượng lại thửa đất của ông M, bà Ng là tháng 11/2010, số tiền 145.000.000 đồng. Ông H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tháng 12/2010 thửa đất số 1197, tờ bản đồ số 20, diện tích đất ở 140m² tên Hồ Việt H, Nguyễn Thị Hồng Ph.

+ Ông Nguyễn Viết C trình bày: Ông C sang nhượng lại thửa đất của ông M, bà Ng là năm 2010, số tiền 320.000.000 đồng, hiện nay giấy chứng nhận QSDĐ thế chấp Ngân hàng nên không nắm rõ thông tin về thửa đất; hợp đồng chuyển nhượng ngày 01-12-2011.

+ Ông Lê Tấn T trình bày: Vào ngày 07 tháng 10 năm 1995, Hợp tác xã Nông nghiệp A Ph II có lập biên bản bán thanh lý nhà (Trường tiểu học A Ch) cho ông Huỳnh Xuân M, bà Nguyễn Thị Ng ở A Ch, A Ph (ông M đại diện cho hộ), tiền nộp là 8.000.000 đồng như đã ghi trong biên bản. HTXNN A Ph II chỉ bán thanh lý ngôi nhà, tháo dỡ lấy vật liệu, không bán đất, vì đất là của Nhà nước quản lý. Nếu

hộ nào muốn ở lâu dài thì phải đến UBND xã A Ph đăng ký làm thủ tục hồ sơ xin cấp đất, việc cấp đất là thẩm quyền của UBND huyện H Ấ. Có mặt ngày hôm đó gồm: Nguyễn Văn Th (kế hoạch), Nguyễn Xuân H (kế toán trưởng), Lê Văn C (kế toán tài sản) đều ở A Ch, A Ph. Trường Tiểu học A Ph có bao nhiêu phòng thì ông T không nhớ, nhưng có 03 người mua là: Huỳnh Xuân M, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Xuân Á mua chia nhau. Về quyền sử dụng đất là do UBND xã A Ph quản lý, các hộ mua đã làm thủ tục chưa thì ông T không rõ.

+ Bà Huỳnh Thị L trình bày: Theo bà L được biết thì thửa đất có ngôi nhà xây của anh M, chị Ng là ông Huỳnh H, bà Đặng Thị M mua của bà Thơ (đã chết lâu rồi), hiện có con gái ở Sài Gòn, nhưng bà L không biết tên, không biết địa chỉ. Hiện ông Huỳnh H đứng tên, còn có cho anh M, chị Ng không thì bà Lành không biết. Ngôi nhà thì bà Lành biết là tiền của anh Mai, chị Ng xây dựng nên, có sự đóng góp của anh chị em của Mai, nhưng là tự nguyện, bà Lành không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

+ Tại bản tự khai ngày 09-5-2022, ông M trình bày: Cuối năm 2006, ông M có mua lô đất của bà Lê Thị T có diện tích 320m² ở gần xưởng làm gỗ với giá 13.000.000 đồng, năm 2008 xây dựng ngôi nhà ở với giá trên 200.000.000 đồng bằng tiền của ông M làm ra, không phải mượn vàng của em vợ (Dư) như bà Ng khai.

- Kết quả định giá tài sản: Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 09-01-2023; sơ đồ kết quả đo đạc đất, nhà ở ngày 28-6-2021.

1. Nhà ở Cấp loại N5, xây dựng năm 2008, diện tích xây dựng 113,9m²; giá 134.663.970 đồng.

2. Nhà bếp cấp loại N7, diện tích xây dựng 22,5m²; giá 19.608.750 đồng.

3. Chuồng heo cấp loại C4, diện tích xây dựng 39,5m²; giá 9.539.250 đồng.

4. Hầm Bioga giá 16.000.000 đồng/hệ thống.

5. Sân bê tông cấp loại S2, diện tích là 121,5m² - hè 33,2m² ; giá 18.366.400 đồng.

6. Nhà xưởng gỗ: Mái hiên N18 (rộng 08m, dài 09m, cao 03m, 05 trụ bê tông 0,12m², mái lợp tôn), diện tích 72m²; giá 11.664.000 đồng.

7. Tài sản trong nhà.

+ 01 ti vi hiệu Sam Sung 49 in, giá 3.000.000 đồng.

+ 01 tủ lạnh hiệu LG lớn, giá 1.500.000 đồng.

+ 01 bộ bàn ghế sa lông hộp bằng gỗ (01 bàn, 04 ghế), giá 11.000.000 đồng.

+ 01 tủ đựng đồ bằng gỗ, giá 8.000.000 đồng.

+ 01 tủ kiểu để ti vi bằng gỗ, giá 3.000.000 đồng.

+ 01 tủ thờ bằng gỗ, giá 12.000.000 đồng.

+ 01 xe Honda đời 86 tên Huỳnh Xuân M, giá 2.500.000 đồng.

+ 01 xe tay ga hiệu Air Blade tên Nguyễn Thị Ng, giá 9.000.000 đồng.

+ 03 giường gỗ, kích thước (1.4 m x 02 m), giá 3.500.000 đồng

8. Nhà Xưởng: Mua thanh lý của HTX A Ph 2, nguồn gốc: Trường tiểu học A Ch; số tiền mua nhà 3.500.000 đồng.

- Thừa đất số chung 347, diện tích 881m².

+ Phần của Huỳnh Xuân M 260m² (chiều rộng 10m).

- Tài sản tại xưởng:

+ 01 máy cưa vòng, giá 6.000.000 đồng.

+ 01 máy liên hợp, giá 2.300.000 đồng.

+ 01 máy móc mương, giá 3.500.000 đồng.

9. QSDĐ thửa số 374, tờ bản đồ số 09, diện tích (đất ở 300m², đất trồng CLNK 20m²).

- Giá đất theo khảo sát thị trường 3.000.000 đồng/m².

- Giá đất trồng cây lâu năm khác 96.000 đồng/m².

Tổng giá trị tài sản 1.178.062.370 đồng/2 = 589.031.185 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H A, tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 227, khoản 1 Điều 266, khoản 1 Điều 235, các Điều 163, 164, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 38, 39, 40, 43, 46 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013; Căn cứ vào các Điều 219, 280, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện và yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của Nguyễn Thị Ng.

- Xác định tài sản chung của Nguyễn Thị Ng và Huỳnh Xuân M gồm:

Nhà ở cấp loại N5, nhà bếp cấp loại N7, chuồng heo áp loại C4, hầm Bioga, sân bê tông cấp loại S2 xây dựng tại thửa số 374, tờ bản đồ số 09, diện tích 320m². Nhà xưởng gỗ mái hiên N18 nằm trên thửa đất số 347, diện tích 260m²; 01 máy cưa vòng, 01 máy liên hợp, 01 máy móc mương. 01 ti vi hiệu Sam Sung 49 in, 01 tủ lạnh hiệu LG lớn, 01 bộ bàn ghế sa lông hộp bằng gỗ (01 bàn, 04 ghế), 01 tủ đựng đồ bằng gỗ, 01 tủ kiểu để ti vi bằng gỗ, 01 tủ thờ bằng gỗ, 03 giường gỗ, kích thước (1.4 m x 02 m); 01 xe Honda đời 86 tên Huỳnh Xuân M, 01 xe tay ga hiệu Air Blade tên Nguyễn Thị Ng.

Tổng giá trị tài sản 1.178.062.370 đồng, chia đôi mỗi người được sở hữu 589.031.185 đồng.

[1.1]. Giao cho bà Nguyễn Thị Ng nhận: Ngôi nhà xưởng tại thửa đất số 347, diện tích 260m²; 01 máy cưa vòng, 01 máy liên hợp, 01 máy móc mương, 01 xe tay ga hiệu Air Blade bằng tổng giá trị 33.464.000 đồng. Giao cho bà Ng nhận số tiền do ông M thôi chênh lệch chia tài sản chung 555.567.185 đồng.

- Tạm giao cho bà Ng 260m² đất của thửa số 347 tại: thôn A Ch, xã A Ph, huyện H Ân, tỉnh Bình Định. Bà Ng có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm hồ sơ đăng ký cấp quyền sử dụng đất.

[1.2] Giao cho ông Huỳnh Xuân M nhận: Ngôi nhà xây cấp loại N5, nhà bếp cấp loại N7, chuồng heo cấp loại C4, hầm Bioga, sân bê tông cấp loại S2 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 09, diện tích (đất ở 300 m², đất trồng CLNK 20m²) giấy chứng nhận tên Huỳnh H, Đặng Thị M, Cấp số: H00781 ngày 04/01/2007. Tài sản trong nhà gồm: 01 xe máy hiệu Honda đời 86, 01 ti vi hiệu Sam Sung 49 in, 01 tủ lạnh hiệu LG lớn, 01 bộ bàn ghế sa lông hộp bằng gỗ (01 bàn, 04 ghế), 01 tủ đựng đồ bằng gỗ, 01 tủ kiểu để ti vi bằng gỗ, 01 tủ thờ bằng gỗ, 03 giường gỗ, kích thước (1.4 m x 02 m) bằng tổng giá trị 1.145.598.370 đồng.

- Ông M phải thôi chênh lệch chia tài sản cho bà Ng 555.567.185 đồng.

[1.3]. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thuý L, chị Huỳnh Thị Xuân Th.

- Công nhận sự thoả thuận của bà Nguyễn Thị Ng và ông Huỳnh Xuân M: Bà Ng trả cho Nguyễn Thị Thuý L 7.377.000 đồng, trả cho Huỳnh Thị Xuân Th 2.500.000 đồng. Ông M trả cho Huỳnh Thị Xuân Th 17.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Huỳnh Xuân M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho ông được nhận xưởng cưa xẻ gỗ gia công và máy làm thợ mộc và yêu cầu bà Ng chia cho ông số tiền bà Ng bán 02 lô đất và cất giữ tiền. Tại phiên tòa ông M giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đồng thời trình bày bổ sung: Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản nhưng không mời ông tham gia nên ông không biết gì về việc định giá tài sản; Giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 09 mà Hội đồng định giá đã định là cao hơn gấp đôi so với giá thị trường, nên khi HĐXX giao nhà và đất cho ông và buộc ông thôi lại cho bà Ng ½ giá trị tài sản với số tiền trên 550.000.000đ là quá cao. Tại phiên tòa sơ thẩm ông đã nhiều lần xin trình bày ý kiến của mình đối với giá trị tài sản nhưng không được HĐXX đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông đồng ý giao cho bà Ng được quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất nêu trên, bà Ng chỉ cần thôi lại ông phần giá trị chênh lệch từ 200 triệu đến 300 triệu đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông M. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ Bản án dân sơ thẩm số 195/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của TAND huyện H A. Giao Hồ sơ vụ án cho TAND huyện H A giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Huỳnh Xuân M, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Căn cứ Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện số 118/GXN-TA ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H A thì ngày 22/4/2022 Tòa án nhân dân huyện H A nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng. Tuy nhiên đơn khởi kiện không có dấu công văn đến, không có ngày tháng năm làm đơn khởi kiện và theo nội dung đơn khởi kiện thì bà Ng yêu cầu *chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Ng và ông Huỳnh Xuân M sau khi ly hôn*, nhưng không nêu cụ thể tài sản chung mà bà Ng yêu cầu chia gồm những loại tài sản nào, ở đâu, ai là người quản lý và có giá trị là bao nhiêu. Như vậy, đơn khởi kiện của bà Ng là không đảm bảo về nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 189 BLTTDS. Theo quy định tại Điều 193 BLTTDS thì *“Trường hợp đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật này thì Thẩm phán thông báo bằng văn bản nêu rõ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho người khởi kiện để họ sửa đổi, bổ sung trong thời hạn do Thẩm phán ấn định nhưng không quá 01 tháng; trường hợp đặc biệt, Thẩm phán có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày”*. *“...nếu họ không sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện”*. Nhưng sau khi nhận đơn khởi kiện, Thẩm phán được phân ông giải quyết đơn không yêu cầu đương sự bổ sung đơn khởi kiện mà tiến hành làm thủ tục thụ lý vụ án dẫn đến việc không xác định được phạm vi khởi kiện cụ thể của đương sự yêu cầu toà án chia những loại tài sản nào.

[2] Tại khoản 3 Điều 24 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH quy định *“Vụ án dân sự có giá ngạch là vụ án mà trong đó yêu cầu của đương sự là một số tiền hoặc là tài sản có thể xác định được bằng một số tiền cụ thể”* và Điều 7 của Nghị quyết quy định *“Mức tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự có giá ngạch bằng 50% mức án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà Tòa án dự tính theo giá trị tài sản có tranh chấp do đương sự yêu cầu giải quyết”*. Trong vụ án này, bà Ng yêu cầu chia tài sản chung và có thể xác định được một số tiền cụ thể nên thuộc trường hợp nộp tiền tạm ứng án phí có giá ngạch, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu bà Ng trình bày, kê khai số tài sản yêu cầu chia và dự tính giá trị tài sản yêu cầu chia để thông báo cho bà Ng nộp tiền tạm ứng án phí có giá ngạch mà thông báo

cho bà Ng nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 300.000đ là không đúng với hướng dẫn của Nghị quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn không có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải còn bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của BLTTDS. Tại Điều 208 BLTTDS quy định: *“Trường hợp vụ án dân sự không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải”*. Như vậy theo quy định trên thì trường hợp tòa án không tiến hành hòa giải được thì phải mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thì trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng về trình tự thủ tục tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của nguyên đơn.

[4] Bị đơn ông M yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong đó có khoản tiền ông và bà Ng chuyển nhượng 01 thửa đất cho ông Hồ Việt Huy với số tiền 145.000.000 đồng và chuyển nhượng 01 thửa đất cho ông Nguyễn Viết Cường với số tiền 320.000.000 đồng, số tiền này bà Ng đang giữ. Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất bà Ng thừa nhận có chuyển nhượng đất cho ông Cường và ông Huy và giữ tiền như ông M trình bày trên nên đây là tình tiết, sự kiện ông M không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Bà Ng trình bày bà là người quản lý số tiền trên và đã sử dụng để trả nợ chung của vợ chồng, sử dụng để mua xe và chi tiêu cho sinh hoạt cho gia đình, nên bà Ng phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh về việc sử dụng số tài sản mà mình quản lý. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M vẫn giữ yêu cầu chia số tài sản trên nhưng cấp sơ thẩm nhận định *“ông M không có chứng cứ chứng minh, bà Ng tự nguyện đồng ý không đề cập”* nên không giải quyết yêu cầu của ông M và nhận định *“nếu sau này ông M có chứng cứ thì khởi kiện bằng một vụ kiện khác”* là không giải quyết hết yêu cầu của đương sự, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M.

[5] Ngoài ra, trong vụ án này còn có những thiếu sót cần rút kinh nghiệm, khắc phục như biên bản lấy lời khai không đóng dấu, thiếu chữ ký của Thẩm phán; biên bản định giá tài sản không có chữ ký của các đương sự nhưng không ghi lý do vì sao dẫn đến việc bị đơn cho rằng Hội đồng định giá tự định giá tài sản mà không thông báo cho bị đơn biết nên không trình bày được ý kiến của mình đối với giá trị tài sản tranh chấp; sơ đồ bản vẽ phần diện tích đất tranh chấp được đo vẽ trước khi Tòa án nhân dân huyện H A thụ lý vụ án.

[6] Từ các thiếu sót nêu trên của cấp sơ thẩm, nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn,

hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 195/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H Ân, tỉnh Bình Định. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện H Ân, tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Xuân M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006592 ngày 28.9.2023 tại Chi cục THADS huyện H Ân, tỉnh Bình Định.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND H.H Ân;
- CCTHADS H.H Ân;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Duy